

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/KDTM-ST
Ngày 10-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp
đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

Ông Nguyễn Tấn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 40/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 833/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V3 (V4).

Trụ sở chính: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tuấn V (có mặt), ông Đinh Quốc V1 (vắng mặt); địa chỉ liên hệ: Tầng A, số I C, Phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần N (Công ty). Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đỗ V2; Chức danh: Tổng Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số H, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đỗ V2, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 8 N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn H1 là ông Nguyễn Đỗ V2, theo Giấy ủy quyền ngày 10/02/2025 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải nguyên đơn Ngân hàng TMCP V3 trình bày:*

Công ty Cổ phần N đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V3 – Chi nhánh A theo Hợp đồng cho vay giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ký ngày 10/6/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất 36%/năm; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Đỗ V2 theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/AGG/19/0050/HDBL.01; bà Đỗ Thị Thanh H theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/AGG/19/0050/HDBL.02; ông Đỗ Văn H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/AGG/19/0050/HDBL, 03 Hợp đồng này đều ký ngày 03/6/2019. Khoản tín dụng cấp cho Công ty không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 10/02/2025 Công ty còn nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi 21.600.000 đồng, tổng cộng là 71.600.000 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần N phải trả vốn, lãi nêu trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền gốc theo mức lãi suất quá hạn cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Công ty Cổ phần N không thanh toán được thì ông Nguyễn Đỗ V2, bà Đỗ Thị Thanh H, ông Đỗ Văn H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền này theo các hợp đồng bảo lãnh.

** Bị đơn Công ty Cổ phần N do ông Nguyễn Đỗ V2 – Tổng Giám đốc trình bày:* thống nhất lời trình bày của V4 về số tiền vốn, lãi tính đến ngày 10/02/2025. Xin gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 5 năm 2025. Ông V2 cho rằng số tiền vay là do ông sử dụng, bà H, ông H1 không sử dụng, nên không đồng ý việc V4 yêu cầu bà H, ông H1 cùng liên đới trả nợ cho V4.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thanh H trình bày:* Nợ là nợ của ông V2, bà không sử dụng tiền, nên bà không đồng ý trả, bà thừa nhận có ký hợp đồng bảo lãnh, nhưng do V4 kêu ký nên bà ký.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H1 do ông Nguyễn Đỗ V2 đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ông H1 có ký hợp đồng bảo lãnh, số

tiền vay là do ông V2 sử dụng, ông H1 không sử dụng, nên không đồng ý việc V4 yêu cầu ông H1 cùng liên đới trả nợ cho V4.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy ủy quyền; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo; Hợp đồng bảo lãnh (03); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh; nguyên đơn, bị đơn có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần N có ký với V4 hợp đồng cấp thẻ tín dụng để vay số tiền 50.000.000 đồng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì ông V2, bà H, ông H1 đã ký 03 hợp đồng bảo lãnh để bảo lãnh cho khoản vay trên. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết đã dẫn đến nợ quá hạn.

[2.1] Xét, Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên V4 yêu cầu trả số tiền vốn, lãi tính đến ngày 10/02/2025 là 71.600.000 đồng và tiếp tục tính lãi quá hạn trên số tiền vốn gốc từ ngày 11/02/2025 cho đến khi tất toán xong nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét các hợp đồng bảo lãnh, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông V2, bà H và ông H1 do ông V2 đại diện thừa nhận có ký hợp đồng bảo lãnh là tình tiết sự kiện không phải chứng minh tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, bà H, ông H1 cho rằng không có sử dụng tiền vay, bà H còn cho rằng V4 kêu bà ký thì bà ký. Hội đồng xét xử xét thấy các ông, bà là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, do đó, ông, bà phải chịu trách nhiệm với mọi hành vi của mình. Tại khoản 1 Điều 335 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Bảo lãnh là việc người thứ ba (bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*.

Tại Điều 338 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Khi nhiều người cùng bảo lãnh một nghĩa vụ thì phải liên đới thực hiện việc bảo lãnh, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập; bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người bảo lãnh liên đới phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Khi một người trong số những người bảo lãnh liên đới đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh thì có quyền yêu cầu những người bảo lãnh còn lại phải thực hiện phần nghĩa vụ của họ đối với mình”*.

Như vậy các hợp đồng bảo lãnh mà ông V2, bà H, ông H1 ký kết với V4 là được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc, không bị lừa dối, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 119, Điều 335 của Bộ luật dân sự 2015.

Tại Điều 1 của 03 hợp đồng bảo lãnh các bên thỏa thuận phạm vi bảo lãnh là toàn bộ nghĩa vụ (không theo phần). Do đó, V4 yêu cầu trường hợp Công ty Cổ phần N không trả được vốn, lãi thì yêu cầu ông V2, bà H, ông H1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ thay là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Cổ phần N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (71.600.000 đồng) là 3.850.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận V4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.460.000 đồng theo Biên lai thu số 0000724 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V3 đối với Công ty Cổ phần N:

1.2. Buộc Công ty Cổ phần N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V3 tổng số tiền vốn, lãi là 71.600.00 đồng.

1.3. Công ty Cổ phần N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất quá hạn của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo đã ký kết kể từ ngày 11/02/2025 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi.

1.4. Trường hợp Công ty Cổ phần N không thanh toán được số tiền vốn, lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo thì ông Nguyễn Đỗ V2, bà Đỗ Thị Thanh H, ông Đỗ Văn H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền 71.600.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc như mục 1.3.

2. Về án phí:

- Công ty Cổ phần N phải chịu 3.580.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP V3 được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 1.460.000 đồng theo Biên lai thu số: 0000724 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hoàng Mai Trần Ngọc Toàn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi